

Ân Thi, ngày 16 tháng 9 năm 2021

Số: 05/2021/QĐĐT-HNGD

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH TẠI TÒA ÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ÂN THI, TỈNH HƯNG YÊN

Thẩm phán ra quyết định: Ông Hoàng Lương Hồng;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 32, Điều 33, Điều 34, Điều 35 và Điều 36 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải tại Tòa án ngày 31 tháng 8 năm 2021, về việc các bên thỏa thuận được với nhau về giải quyết toàn bộ vụ việc yêu cầu xin ly hôn giữa:

- Người khởi kiện: Bà Trần Thị L, sinh năm 1965; Nơi cư trú: số nhà 475 đường B, thị trấn K, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên.

- Người bị kiện: ông Trần Văn T, sinh năm 1961. Trú tại: thôn X, xã T, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: chị Trần Thị D, sinh năm 1990; Nơi cư trú: số nhà 475 đường B, thị trấn K, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên

Sau khi nghiên cứu Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải tại Tòa án cùng tài liệu kèm theo do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án,

XÉT THẤY:

Nội dung thỏa thuận, thống nhất của các bên được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải tại Tòa án đã có đủ điều kiện quy định tại Điều 33 Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Đã hết thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án nhận được Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải và tài liệu kèm theo, không có bên nào ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án giữa các bên hòa giải: Bà Trần Thị L, sinh năm 1965; Nơi cư trú: số nhà 475 đường B, thị trấn K, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên và ông Trần Văn T, sinh năm 1961. Trú tại: thôn X, xã T, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên.

2. Công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án của các bên cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị L và ông Trần Văn T.

- Về con chung: Bà L và ông T đều xác định vợ chồng có 01 con chung là Trần Thị D- sinh năm 1990. Chị Dung đã trưởng thành và có gia đình riêng nên ông bà không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ, công sức: Bà L, ông T thống nhất: tài sản đứng tên ai thì người đó toàn quyền quản lý, sử dụng và định đoạt. Về nợ: ai vay ở đâu người đó tự trả. Ông T, bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

4. Các bên, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến quyết định của Tòa án có quyền đề nghị xem xét lại quyết định này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định.

5. Viện Kiểm sát cùng cấp có quyền kiến nghị xem xét lại quyết định này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được quyết định của Tòa án.

Nơi nhận:

- Các bên;
- VKSND cùng cấp;
- Cơ quan THADS để thi hành(*nếu có*);
- UBND xã T (ĐKKH số 16
quyển số 01/1987 ngày 19/9/1987)
- Lưu: Hồ sơ vụ việc, TA.

THẨM PHÁN

Hoàng Lương Hồng